

Số: 3103/2025/CV-SMT

TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần SAMETEL**

Trụ sở: KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Mã chứng khoán: **SMT**

Điện thoại liên hệ:

E-mail: cbtt@sametel.com.vn

Nơi niêm yết: Sở GDCK Hà Nội

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán:

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024: Không có.
4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn <https://sametel.com.vn/bao-cau-tai-chinh.htm>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/12/2024



Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sametel (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Đông Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên
Ông Đỗ Tự Cường	Thành viên
Bà Trần Thùy Linh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Vũ Thị Phương	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này là bà Vũ Thị Phương, chức danh Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng: không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính kiểm toán hằng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Thị Phương
Tổng giám đốc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Số: 492/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sametel

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Sametel (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31/3/2025, từ trang 06 đến trang 34 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sametel chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sametel tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị công ty đã ban hành các Nghị quyết hội đồng quản trị số 0709/2023/NQ-HĐQT ngày 7/9/2023 về việc thành lập công ty TNHH Sametel Sản xuất; Nghị quyết số 1207/2023/NQ-HĐQT ngày 12/07/2023 về việc thành lập Công ty TNHH MTV Sametel Solar 1 và Công ty TNHH MTV Sametel Solar 2. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các Công ty này đã được thành lập. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Sametel chưa thực hiện góp vốn theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị vào các Công ty này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính này theo báo cáo số 186/BCKT/TC tại ngày 29/03/2024 do không thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các dự án điện năng lượng mặt trời cũng như không thể đánh giá về giá trị trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập. Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng dự án này.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số:
0798-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Hoàng Thị Ngà
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số:
4079-2023-112-1

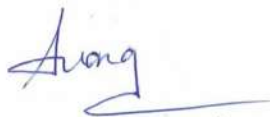
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.500.876.735	106.441.230.477
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.421.901.022	8.490.100.619
Tiền	111	5	5.421.901.022	3.320.343.192
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.169.757.427
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	263.760.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	1.480.166.925
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(1.216.406.925)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.775.772.330	70.188.960.805
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	54.003.727.776	55.052.803.980
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	11.504.267.660	14.089.675.643
Các khoản phải thu khác	136	7	1.166.330.826	2.258.482.121
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.898.553.932)	(1.212.000.939)
Hàng tồn kho	140	8	5.119.790.999	27.144.365.142
Hàng tồn kho	141		6.370.220.926	30.362.258.308
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.250.429.927)	(3.217.893.166)
Tài sản ngắn hạn khác	150		183.412.384	354.043.911
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	183.412.384	354.043.911
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.147.563.706	51.618.040.577
Các khoản phải thu dài hạn	210		379.630.195	552.673.523
Phải thu dài hạn khác	216	7	379.630.195	552.673.523
Tài sản cố định	220		41.265.362.138	50.437.815.618
Tài sản cố định hữu hình	221	13	36.768.490.852	43.937.842.762
- Nguyên giá	222		69.386.617.197	81.490.816.965
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.618.126.345)	(37.552.974.203)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	1.011.816.598	2.870.950.775
- Nguyên giá	225		3.984.944.715	5.653.485.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.973.128.117)	(2.782.534.370)
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.485.054.688	3.629.022.081
- Nguyên giá	228		6.257.688.564	6.257.688.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.772.633.876)	(2.628.666.483)
Tài sản dở dang dài hạn	240		46.296.296	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		46.296.296	-
Tài sản dài hạn khác	260		456.275.077	627.551.436
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	456.275.077	627.551.436
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		117.648.440.441	158.059.271.054

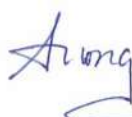
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		48.288.402.149	89.894.390.240
Nợ ngắn hạn	310		41.909.367.437	76.475.233.414
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	8.730.081.039	10.849.249.160
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.386.849.611	2.352.781.551
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.515.363.412	5.032.049.258
Phải trả người lao động	314		215.655.323	509.881.222
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		33.469.790	71.121.223
Phải trả ngắn hạn khác	319		1.749.016.740	1.726.230.865
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	24.500.363.635	54.144.352.249
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.778.567.886	1.789.567.886
Nợ dài hạn	330		6.379.034.712	13.419.156.826
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.262.490.817	2.513.663.857
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	5.116.543.895	10.905.492.969
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		69.360.038.292	68.164.880.814
Vốn chủ sở hữu	410	17	69.360.038.292	68.164.880.814
Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.674.320.000	54.674.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.674.320.000	54.674.320.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.816.120.000	3.816.120.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.929.018.235	6.929.018.235
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.940.580.057	2.745.422.579
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		2.745.422.579	6.047.357.575
- LNST chưa phân phối năm này	421b		1.195.157.478	(3.301.934.996)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		117.648.440.441	158.059.271.054

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Tuyết Phương
Người lập biểu



Nguyễn Tuyết Phương
Phụ trách kế toán

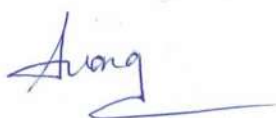


Vũ Thị Phương
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	98.796.452.837	178.936.412.988
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	301.583.554	1.175.274.492
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		98.494.869.283	177.761.138.496
Giá vốn hàng bán	11	20	84.537.090.289	165.323.494.171
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.957.778.993	12.437.644.325
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	48.485.300	212.333.914
Chi phí tài chính	22	22	3.276.164.904	6.294.605.869
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.169.531.717	5.851.109.521
Chi phí bán hàng	25	23	2.842.920.415	4.473.677.409
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	4.263.137.182	5.265.919.978
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.624.041.792	(3.384.225.017)
Thu nhập khác	31		11.579.701	323.897.541
Chi phí khác	32	24	2.239.433.979	7.594.473
Lợi nhuận khác	40		(2.227.854.278)	316.303.068
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.396.187.514	(3.067.921.949)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	201.030.036	234.013.047
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.195.157.478	(3.301.934.996)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	219	(604)

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Tuyết Phương
Người lập biểu



Nguyễn Tuyết Phương
Phụ trách kế toán

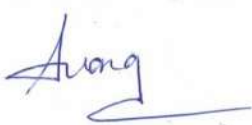


Vũ Thị Phương
Tổng Giám Đốc

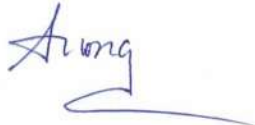
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		107.757.490.644	182.351.298.126
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(74.860.619.907)	(149.976.250.719)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(697.496.809)	(5.252.250.644)
Tiền lãi vay đã trả	04		(3.210.179.918)	(6.175.293.536)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(273.302.611)	(112.739.207)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.025.404.669	1.259.193.474
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.634.452.174)	(5.686.703.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.106.843.894	16.407.253.852
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(55.501.000)	(6.257.688.564)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.265.370.218	880.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		48.024.979	212.333.914
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.257.894.197	(5.165.354.650)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		60.021.181.201	104.611.726.181
Tiền trả nợ gốc vay	34		(95.454.118.889)	(116.954.560.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35.432.937.688)	(12.342.834.039)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.068.199.597)	(1.100.934.837)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.490.100.619	9.591.035.456
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	5.421.901.022	8.490.100.619

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Tuyết Phương
Người lập biểu



Nguyễn Tuyết Phương
Phụ trách kế toán



Vũ Thị Phương
Tổng Giám Đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sametel (Tên cũ là Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn Thông Sam Cường) là Công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600850734 (số cũ là 4703000342) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20/10/2006, thay đổi lần thứ 14 ngày 14/11/2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại sở giao dịch thành phố Hà Nội từ ngày 30/07/2010 với mã chứng khoán là SMT.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Long Thành, đường số 1, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31/12/2024 là 9 người (số đầu năm là 27 người).

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh TP.HCM – Công ty Cổ phần Sametel: 32 Đường D5, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh: Lầu 6, số 31 đường số 18, phường 8, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Văn phòng đại diện tại thành phố Hà Nội: phòng 207, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Điểm Kinh doanh số 1 – Công ty CP Sametel: Lô A3, đường D1, Khu công nghiệp Cầu Tràm, Ấp Cầu Tràm, xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.
- Điểm Kinh doanh số 2 – Công ty CP Sametel: nhà xưởng và tòa nhà văn phòng 3 và nhà xưởng 4 tại Công ty TNHH An Thiên Ly, KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất lắp ráp các thiết bị viễn thông;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý ký gửi: Thiết bị, nguyên vật liệu điện và Viễn thông, hàng kim khí điện máy;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Bán buôn, xuất nhập khẩu, thiết bị viễn thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị vật liệu điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn, xuất khẩu: thiết bị, nguyên vật liệu điện;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ, xuất nhập khẩu: thiết bị viễn thông;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn, xuất nhập khẩu: hàng kim khí điện máy;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng: Trang trí nội thất;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí, khuôn mẫu (trừ xi mạ, tráng phủ kim loại);
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm khung nhôm, trần nhôm, trần kim loại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG, KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
- Máy móc, thiết bị	02 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 14
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
- Phần mềm máy tính	03
- Quyền sử dụng đất	47

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.6 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh: là các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)***Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn***

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng bán được kết chuyển phù hợp với doanh thu đã ghi nhận và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

4.12 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

4.13 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.14 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Trong đó:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.15 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động kinh doanh thông thường được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, các Công ty liên doanh liên kết, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tiền mặt	-	756.424
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.421.901.022	3.319.586.768
- Các khoản tương đương tiền	-	5.169.757.427
	5.421.901.022	8.490.100.619

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	54.003.727.776	(1.577.012.010)	55.052.803.980	(1.212.000.939)
- Công ty TNHH FAFA Việt Nam	13.050.142.816	-	11.477.754.003	-
- Công ty TNHH Thiết bị điện Tháo Nguyễn	-	-	231.523.626	-
- Công ty TNHH Thiết bị điện Công nghiệp Hoàng Minh	18.922.331.203	-	27.193.163.310	-
- Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Hoa Hồng	-	-	3.857.243.645	-
- Công ty Điện lực Quảng Ngãi	1.912.614.751	-	1.957.414.737	-
- Công ty Điện lực Quảng Bình	-	-	2.378.159.248	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Vector Việt Nam (*)	16.750.077.463	-	847.000.000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	828.341.208	-	-	-
- Công ty CP Xây dựng Công trình Việt Nam	1.507.472.920	(759.740.884)	1.507.472.920	(452.241.876)
- Các Khách hàng khác	1.032.747.415	(817.271.126)	5.603.072.491	(759.759.063)
	54.003.727.776	(1.577.012.010)	55.052.803.980	(1.212.000.939)
Phải thu khách hàng là bên liên quan	31.972.474.019		38.902.440.939	
(Chi tiết tại Thuyết minh số 28)				

(*) Trong đó:

- Là khách hàng mua hệ thống năng lượng mặt trời của Dự án Đa Phước và Dự án Bình Thành (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 08).

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.166.330.826	(259.590.422)	2.258.482.121	-
- Tạm ứng	170.510.800	-	952.676.100	-
- Kỳ cược ký quỹ ngắn hạn	-	-	217.920.711	-
- Thuế GTGT MMTB thuế tài chính	142.150.529	-	187.040.165	-
- Phải thu Công ty Cổ phần dịch vụ Beons	159.184.594	(159.184.594)	159.184.594	-
- Phải thu khác	694.484.903	(100.405.828)	741.660.551	-
Dài hạn	379.630.195	-	552.673.523	-
- Kỳ cược, ký quỹ	379.630.195	-	552.673.523	-
	1.688.111.550	(259.590.422)	2.998.195.809	-
Phải thu khác là bên liên quan	150.000.000		100.711.600	

(Chi tiết tại Thuyết minh số 28)

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	3.045.457.951	(248.360.190)	3.982.194.772	(92.219.288)
- Công cụ, dụng cụ	53.628.668	-	8.035.637	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	370.557.381	-	24.802.883.544	(2.740.001.414)
- Thành phẩm	367.353.842	(367.353.842)	400.236.851	(156.140.904)
- Hàng hoá	2.533.223.084	(634.715.895)	408.608.317	(229.531.560)
- Hàng gửi đi bán	-	-	760.299.187	-
	6.370.220.926	(1.250.429.927)	30.362.258.308	(3.217.893.166)

(*) Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa về việc bán hệ thống năng lượng mặt trời solar của Dự án Đa Phước và Dự án Bình Thành chi tiết như sau:

- Hợp đồng số 2305/2024/HĐMB-SMT-VT ngày 23/5/2024 và phụ lục hợp đồng số 01/PL2305/2024/HĐMB-SMT-VT ngày 15/08/2024 với Công ty TNHH Kỹ thuật Vector Việt Nam ("Bên mua") với tổng cộng giá trị tiền hàng đã bao gồm VAT là 21.527.077.463 đồng. Theo điều khoản thanh toán của phụ lục hợp đồng:
Tiền độ thanh toán được chia theo các giai đoạn như sau:
+ Đợt 1: Vector thanh toán cho SMT số tiền: 6.827.000.000 đồng trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được bộ chứng từ thanh toán
+ Đợt 2: Vector thanh toán số tiền: 14.700.077.463 đồng trong vòng 210 ngày kể từ ngày nhận được bộ chứng từ thanh toán (hóa đơn giá trị gia tăng và biên bản nghiệm thu). Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Kỹ thuật Vector Việt Nam đã thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.
- Hợp đồng số 01/HĐMB/2024: Solar ngày 27/02/2024 với Công ty Cổ phần VKK Việt Nam với tổng cộng tiền hàng đã bao gồm VAT là 4.400.000.000 đồng. Công ty Cổ phần VKK Việt Nam đã thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL
 Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

9. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH DH Assets (*)	11.200.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyễn	-	-	5.875.776.251	-
- Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Hoa Hồng	-	-	774.170.315	-
- Công ty TNHH Thiết bị điện Công nghiệp Hoàng Minh	-	-	6.240.000.000	-
- Công ty TNHH Thiết bị và Phụ kiện Viễn Thông AP	66.449.900	-	66.449.900	-
- Công ty TNHH Thương mại cung ứng Polygreen	-	-	192.197.050	-
- Các nhà cung cấp khác	237.817.760	(61.951.500)	432.895.272	-
	11.504.267.660	(61.951.500)	14.089.675.643	-
Trả trước người bán là bên liên quan (Chỉ tiết tại Thuyết minh số 28)	-	-	12.115.776.251	-

(*): Khoản trả trước cho người bán theo hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 27/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Sametel và Công ty TNHH DH Asset. Hai bên đồng ý chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 541, tờ bản đồ số 135, địa chỉ tại số 31-33 đường số 18, phường số 08, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh có diện tích là 286,20 m2, với giá trị chuyển nhượng là 41.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	183.412.384	354.043.911
- CCDC xuất dùng	1.026.234	37.401.288
- Chi phí thuê mại nhà xưởng	100.376.069	96.145.812
- Chi phí bảo trì, sửa chữa	-	160.449.917
- Chi phí bảo hiểm	11.703.534	45.130.227
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	70.306.547	14.916.667
Chi phí trả trước dài hạn	456.275.077	627.551.436
- CCDC xuất dùng	83.242.780	153.932.091
- Chi phí thi công, sửa chữa	131.019.065	200.972.678
- Chi phí trả trước dài hạn khác	242.013.232	272.646.667

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất(*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
01/01/2024	5.461.580.464	711.158.600	84.949.500	6.257.688.564
31/12/2024	5.461.580.464	711.158.600	84.949.500	6.257.688.564
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2024	1.867.726.192	675.990.791	84.949.500	2.628.666.483
- Khấu hao trong năm	108.799.584	35.167.809	-	143.967.393
31/12/2024	1.976.525.776	711.158.600	84.949.500	2.772.633.876
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
01/01/2024	3.593.854.272	35.167.809	-	3.629.022.081
31/12/2024	3.485.054.688	-	-	3.485.054.688

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 796.108.100 đồng.

(*): Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà tập thể Long Thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	5.653.485.145	5.653.485.145
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.668.540.430)	(1.668.540.430)
31/12/2024	3.984.944.715	3.984.944.715
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2024	2.782.534.370	2.782.534.370
- Khấu hao trong năm	1.258.950.888	1.258.950.888
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.068.357.141)	(1.068.357.141)
31/12/2024	2.973.128.117	2.973.128.117
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	2.870.950.775	2.870.950.775
31/12/2024	1.011.816.598	1.011.816.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị dùng cụ quản lý		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUỒN GIÁ	19.725.100.597	59.503.533.641	2.184.832.727	77.350.000	81.490.816.965					
	- Mua trong năm	605.684.289	-	-	605.684.289					
	- Thanh lý, nhượng bán	(12.079.884.057)	(630.000.000)	-	(12.709.884.057)					
31/12/2024	19.725.100.597	48.029.333.873	1.554.832.727	77.350.000	69.386.617.197					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LỖY KẾ	12.912.051.621	23.125.078.188	1.438.494.394	77.350.000	37.552.974.203					
	- Khấu hao trong năm	365.923.608	2.212.863.868	-	2.728.055.140					
	- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.032.902.998)	(630.000.000)	(7.662.902.998)					
31/12/2024	13.277.975.229	18.305.039.058	957.762.058	77.350.000	32.618.126.345					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	6.813.048.976	36.378.455.453	746.338.333	-	43.937.842.762					
01/01/2024	6.447.125.368	29.724.294.815	597.070.669	-	36.768.490.852					
31/12/2024										

Tại ngày 31/12/2024:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.271.718.312 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 34.718.770.378 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	8.730.081.039	8.730.081.039	10.849.249.160	10.849.249.160
- Công ty TNHH Hoàng Ngọc Tùng	-	-	1.148.711.627	1.148.711.627
- Công ty Cổ phần VKC Holdings	3.236.105.523	3.236.105.523	3.536.105.523	3.536.105.523
- Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Thép Vạn Kim	395.314.999	395.314.999	395.314.999	395.314.999
- Công ty TNHH Mỹ Lan	-	-	117.953.000	117.953.000
- Công ty TNHH Thương mại Viễn thông Bách Hải	390.845.620	390.845.620	390.845.620	390.845.620
- Công ty Cổ phần Orion Capital	-	-	1.677.636.733	1.677.636.733
- Công ty Cổ phần KRA Group	1.192.311.896	1.192.311.896	1.192.311.896	1.192.311.896
- Công ty TNHH MTV Cấp Quang	228.807.959	228.807.959	329.483.468	329.483.468
- Các đối tượng khác	3.286.695.042	3.286.695.042	2.060.886.294	2.060.886.294
	8.730.081.039	8.730.081.039	10.849.249.160	10.849.249.160
Phải trả người bán là các bên liên quan	64.986.978	64.986.978	1.677.636.733	1.677.636.733
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 28)</i>				

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm		Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
		VND		VND	VND
Phải nộp	5.032.049.258	9.683.801.333	11.200.487.179	3.515.363.412	
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	4.728.686.628	9.445.844.050	10.905.969.899	3.268.560.779	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.840.100	201.030.036	273.302.611	77.567.525	
- Thuế thu nhập cá nhân	153.522.530	30.927.247	15.214.669	169.235.108	
- Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	24,500,363,635	24,500,363,635	65,269,634,814	94,913,623,428	54,144,352,249	54,144,352,249
- Vay ngắn hạn	20,637,066,942	20,637,066,942	60,136,610,928	90,568,314,079	51,068,770,093	51,068,770,093
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	24,872,028,420	24,872,028,420	24,872,028,420
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch (1)	20,637,066,942	20,637,066,942	49,636,610,928	55,196,285,659	26,196,741,673	26,196,741,673
+ Ngân hàng An	-	-	10,500,000,000	10,500,000,000	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3,075,582,156	3,075,582,156	3,075,582,156	3,075,582,156	3,075,582,156	3,075,582,156
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hồ Chí Minh (2)	3,075,582,156	3,075,582,156	3,075,582,156	3,075,582,156	3,075,582,156	3,075,582,156
- Nợ thuê tài chính	787,714,537	787,714,537	2,057,441,730	1,269,727,193	-	-
+ Công ty TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam (3)	787,714,537	787,714,537	2,057,441,730	1,269,727,193	-	-
Vay dài hạn	5,116,543,895	5,116,543,895	-	5,788,949,074	10,905,492,969	10,905,492,969
- Vay dài hạn	5,116,543,895	5,116,543,895	-	3,731,507,344	8,848,051,239	8,848,051,239
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hồ Chí Minh (2)	5,116,543,895	5,116,543,895	-	3,731,507,344	8,848,051,239	8,848,051,239
- Nợ thuê tài chính	-	-	-	2,057,441,730	2,057,441,730	2,057,441,730

(1)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024-HĐCVHM/NHCT681-SAMETEL ngày 23/04/2024 với hạn mức cho vay tại mọi thời điểm không vượt quá 30.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, và thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Đường số 1, KCN Long Thành, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Tài sản đảm bảo theo gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2022/HĐBĐ/NHCT-SMT ngày 08/03/2022 của Công ty Cổ phần Louis Holdings cho Công ty cổ phần Sametel về Thửa đất tại địa chỉ phường 05, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 107,2 m² theo GCN quyền sử dụng đất số BB 610303 do UBND cấp ngày 20/04/2010 và nhà ở tại địa chỉ số 19/10/5, đường Trần Bình Trọng, phường 5, quận Bình Thạnh với diện tích xây dựng là 78,7m², nhà cấp 2 có ba tầng.

- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01.02.2023/HĐBĐ/NHCT681-SMT ngày 27/03/2023 và thế chấp 10 căn hộ có diện tích 37,5 m² tại khu phức hợp Hòa Bình Green Đà Nẵng cho Công ty cổ phần Sametel với tổng giá trị theo hợp đồng đảm bảo là 11.812.000.000 đồng

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – TPBank theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 47/2020/HĐTD/NOH/02 ngày 28/09/2020 với số tiền vay là 9.000.000.000 đồng. Mục đích: Vay thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp thuộc dự án điện mặt trời áp mái với tổng công suất khoảng 1MW tại nhà xưởng của Công ty TNHH An Thiên Lý có địa chỉ tại Khu công nghiệp Bàu Xéo,, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, Đồng Nai. Thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất quy định trên các giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại dự án điện mặt trời lắp đặt trên mái tại nhà xưởng của Công ty TNHH An Thiên Lý. Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa SMT và Công ty Điện lực Đồng Nai hoặc các Chi nhánh của Công ty Điện lực Đồng Nai, các Công ty con và các Chi nhánh của các Công ty con. Quyền đòi nợ từ EVN theo hợp đồng mua bán điện giữa SMT và EVN.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – TPBank theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 47/2020/HĐTD/NOH/03 ngày 11/05/2021 với số tiền vay là 9.000.000.000 đồng. Mục đích: Vay thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp thuộc dự án điện mặt trời áp mái với tổng công suất khoảng 1MW tại nhà xưởng của Công ty Thương mại dịch vụ xây dựng và xuất nhập khẩu Trung Thành có địa chỉ tại đường D1, khu công nghiệp Cầu Tràm, xã Long Trạch, huyện Cần Đức, Đồng Nai. Thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất quy định trên các giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại dự án điện mặt trời lắp đặt trên mái tại nhà xưởng của Công ty Thương mại dịch vụ xây dựng và xuất nhập khẩu Trung Thành. Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa SMT và Công ty Điện lực Cần Đức hoặc các Chi nhánh của Công ty Điện lực Cần Đức, các Công ty con và các Chi nhánh của các công ty con. Quyền đòi nợ từ EVN theo hợp đồng mua bán điện giữa SMT và EVN.

- (3) Khoản nợ thuế tài chính với Công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho thuê tài sản số 103/2021/CN/MN-CTTC ngày 13/01/2021 về việc thuê 5 tài sản là máy móc thiết bị để sử dụng phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê là 48 tháng, lãi suất cho thuê là 11%/năm và tài sản đảm bảo là khoản đặt cọc trị giá 142.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ông Phạm Duy Khánh	2.781.000.000	2.781.000.000
Bà Nguyễn Thị Nga	2.679.000.000	3.890.000.000
Bà Trần Thị Thùy Dương	7.961.000.000	2.679.000.000
Các cổ đông khác	41.253.320.000	45.324.320.000
	54.674.320.000	54.674.320.000

17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	54.674.320.000	54.674.320.000
+ Vốn góp cuối năm	54.674.320.000	54.674.320.000

17.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	5.467.432	5.467.432
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.467.432	5.467.432
+ Cổ phiếu phổ thông	5.467.432	5.467.432
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.467.432	5.467.432
+ Cổ phiếu phổ thông	5.467.432	5.467.432
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17.4
BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
01/01/2023	54.674.320.000		3.816.120.000		6.929.018.235		6.047.357.575		71.466.815.810	
- Lỗ trong năm	-		-		-		(3.301.934.996)		(3.301.934.996)	
31/12/2023	54.674.320.000		3.816.120.000		6.929.018.235		2.745.422.579		68.164.880.814	
01/01/2024	54.674.320.000		3.816.120.000		6.929.018.235		2.745.422.579		68.164.880.814	
- Lãi trong năm	-		-		-		1.195.157.478		1.195.157.478	
31/12/2024	54.674.320.000		3.816.120.000		6.929.018.235		3.940.580.057		69.360.038.292	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Doanh thu bán hàng hóa	64.539.439.029	144.682.255.720
- Doanh thu bán thành phẩm	24.111.569.405	27.237.749.996
- Doanh thu dịch vụ khác	3.252.525.253	-
- Doanh thu cung cấp điện năng lượng mặt trời	6.892.919.150	7.016.407.272
	<u>98.796.452.837</u>	<u>178.936.412.988</u>
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	43.955.779.184	79.674.302.820

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	301.583.554	1.175.274.492
Trong đó:		
+ Hàng bán bị trả lại	301.583.554	1.175.274.492

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn bán hàng hóa	59.794.098.648	140.464.860.615
- Giá vốn thành phẩm	23.808.308.280	20.224.438.473
- Giá vốn dịch vụ cung cấp điện năng lượng mặt trời	1.987.222.800	1.783.206.718
- Giá vốn dịch vụ khác	914.923.800	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.967.463.239)	2.850.988.365
	<u>84.537.090.289</u>	<u>165.323.494.171</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.485.300	212.333.914
	<u>48.485.300</u>	<u>212.333.914</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	3.169.531.717	5.851.109.521
- Lãi thuê tài chính	-	304.476.348
- Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	-	139.020.000
- Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	106.633.187	-
	<u>3.276.164.904</u>	<u>6.294.605.869</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	4.263.137.182	5.265.919.978
- Nguyên vật liệu	968.000	456.600.133
- Nhân viên quản lý	968.955.155	1.982.659.225
- Khấu hao tài sản cố định	411.994.696	146.979.096
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	527.397.846	865.756.939
- Dụng cụ đồ dùng văn phòng	224.061.363	-
- Thuế phí lệ phí	64.032.758	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.123.939.123	1.223.319.440
- Chi phí khác bằng tiền	941.788.241	590.605.145
Các khoản chi phí bán hàng	2.842.920.415	4.473.677.409
- Nguyên vật liệu	-	1.298.472.868
- Chi phí nhân viên	983.777.543	1.429.806.791
- Khấu hao tài sản cố định	60.097.340	91.490.329
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.072.782.864	945.540.185
- Chi phí khác bằng tiền	726.262.668	708.367.236
	7.106.057.597	9.739.597.387

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt thuế, vi phạm hành chính	235.862.773	7.538.429
Các khoản vi phạm hợp đồng	705.649.450	-
Thanh lý tài sản cố định, CCDC	781.610.841	-
Các chi phí khác	516.310.915	56.044
	2.239.433.979	7.594.473

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Theo thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015, Công ty được hưởng thuế ưu đãi theo dự án ban đầu cho thời gian còn lại cho phần thu nhập tăng thêm phát sinh từ TSCĐ hình thành từ giai đoạn năm 2009-2013.

Theo nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 và thông tư 78/2014/TT-BTC, thông tư 151/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 thì:

- Công ty được hưởng thuế ưu đãi miễn thuế 2 năm, giảm thuế 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng.
- Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm áp dụng đối với: Thu nhập doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực: sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Năm 2024 là năm thứ 4 Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10%.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.396.187.514	(3.067.921.949)
Chi phí không được trừ	2.941.525.301	2.747.539.843
- Các khoản phạt chậm nộp	235.862.773	7.538.429
- Chi phí dự phòng hàng tồn kho	772.538.177	-
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	711.177.983	-
- Chi phí không hợp lý khác	1.221.946.368	2.740.001.414
Tổng thu nhập chịu thuế	4.337.712.815	(320.382.106)
Thu nhập chịu thuế 10%	4.385.067.630	2.340.130.468
Thu nhập chịu thuế 20%	(47.354.815)	(2.660.512.574)
Thuế TNDN tạm tính	438.506.763	234.013.047
Giảm thuế phải nộp theo ưu đãi miễn TNDN 4 năm, giảm 50% trong 9 năm tiếp theo khoản 1 điều 16 ND 218/2013/NĐ-CP	237.476.727	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	201.030.036	234.013.047

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.195.157.478	(3.301.934.996)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	5.467.432	5.467.432
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	219	(604)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty áp dụng việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên nhóm ngành kinh doanh chính của Công ty.

Chỉ tiêu	Thương mại VND	Dịch vụ VND	Sản xuất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán ra	64.539.439.029	10.145.444.403	24.111.569.405	98.796.452.837
Giảm trừ doanh thu	301.583.554	-	-	301.583.554
Doanh thu thuần	64.237.855.475	10.145.444.403	24.111.569.405	98.494.869.283
Giá vốn hàng bán	57.826.635.409	2.902.146.600	23.808.308.280	84.537.090.289
Lợi nhuận gộp	6.411.220.066	7.243.297.803	303.261.125	13.957.778.993

28. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**TT Bên liên quan**

- 1 Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyên
- 2 Công ty Cổ phần Orion capital
- 3 Bà Vũ Thị Phương
- 4 Công ty TNHH FAFA Việt Nam
- 5 Công ty TNHH Thiết bị điện Công nghiệp Hoàng Minh

Mối quan hệ

Bên liên quan với thành viên HĐQT Công ty
Bên liên quan với thành viên HĐQT Công ty
Tổng Giám đốc
Bên liên quan với Chủ tịch HĐQT
Bên liên quan

THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng quản trị	-	95.000.000
- Nguyễn Đông Hưng	-	50.000.000
- Nguyễn Ngọc Huy	-	15.000.000
- Trần Thùy Linh	-	15.000.000
- Đỗ Tự Cường	-	15.000.000
Ban Tổng Giám đốc	279.572.103	280.008.241
- Bà Vũ Thị Phương	279.572.103	280.008.241

GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng bên liên quan	43.955.779.184	79.674.302.820
- Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyên	9.880.403.189	5.392.832.726
- Công ty Cổ phần Orion capital	-	19.860.721.545
- Công ty TNHH Fafa Việt Nam	11.968.450.797	-
- Công ty TNHH Thiết bị điện Công nghiệp Hoàng Minh	22.106.925.198	54.420.748.549
Mua hàng bên liên quan	32.126.120.006	55.887.022.603
- Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyên	5.940.763.229	18.686.597.222
- Công ty Cổ phần Orion capital	5.395.878.746	20.861.121.892
- Công ty TNHH Fafa Việt Nam	16.456.502.609	-
- Công ty TNHH Thiết bị điện Công nghiệp Hoàng Minh	4.332.975.422	16.339.303.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng	31.972.474.019	38.902.440.939
- Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyên	-	231.523.626
- Công ty TNHH Fafa Việt Nam	13.050.142.816	11.477.754.003
- Công ty TNHH Thiết bị điện Công nghiệp Hoàng Minh	18.922.331.203	27.193.163.310
Phải trả người bán	64.986.978	1.677.636.733
- Công ty Cổ phần Orion capital	-	1.677.636.733
- Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyên	64.986.978	-
Trả trước người bán	-	12.115.776.251
- Công ty TNHH Thiết bị điện Công nghiệp Hoàng Minh	-	6.240.000.000
- Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyên	-	5.875.776.251
Tạm ứng	150.000.000	100.711.600
- Bà Vũ Thị Phương	150.000.000	100.711.600

29. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

30. THÔNG TIN KHÁC

Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1307/2024/NQ-HĐQT ngày 13/07/2024 về quyết định thực hiện góp vốn tại Công ty TNHH Sametel sản xuất bằng tài sản với tổng giá trị là 3.300.000.000 đồng;

Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0709/2023/NQ-HĐQT ngày 7/9/2023 về việc thành lập Công ty TNHH Sametel Sản xuất.

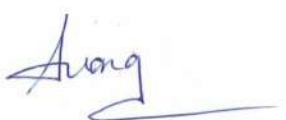
Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1207/2023/NQ-HĐQT ngày 12/07/2023 về việc thành lập Công ty TNHH MTV Sametel Solar. Ngoài ra, Nghị quyết trên còn phê duyệt thành lập Công ty TNHH MTV Sametel Solar 2.


Đến thời điểm lập báo cáo này, các Công ty này đã được thành lập. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Sametel chưa thực hiện góp vốn theo các Nghị quyết này.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Tuyết Phương
Người lập biểu


Nguyễn Tuyết Phương
Phụ trách kế toán




Vũ Thị Phương
Tổng Giám Đốc